

Số: 12 /2014/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2011 – 2015 ban hành kèm theo Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 02/3/2011 của UBND Thành phố Hà Nội.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi ngày 04/4/2001;

Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 23/6/1994 kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa IX và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật Lao động vào năm 2002, 2006, 2007;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng số 29/2004/QH11 ngày 14/12/2004;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006;

Căn cứ Luật Đề điều số 79/2006/QH11 ngày 29/11/2006;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật di sản Văn hoá số 32/2009/QH12; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản Văn hoá ngày 18/6/2009;

Căn cứ Luật Giáo dục số 38/2005/QH11; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25/11/2009;

Căn cứ Luật Thủ đô số 25/2012/QH13 ngày 21/11/2012;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Nghị quyết của Chính phủ số 08/2004/NQ-CP ngày 30/6/2004 về tiếp tục đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và chính quyền tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ và Phát triển rừng; Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2011-2012 đến năm học 2014-2015;

Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản Văn hoá, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hoá;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Lao động;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2008/TTLT-BYT-BNV ngày 25/4/2008 của Liên bộ Y tế - Nội vụ về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế, Phòng Y tế thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 65/2009/TT-BNN&PTNT ngày 12/10/2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn tổ chức hoạt động và phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 21/2012/TT-BLĐTBXH ngày 05/9/2012 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc rà soát, xác định và phê duyệt danh sách hộ nghèo, cận nghèo hàng năm;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 85/TTr-KH&ĐT ngày 25/01/2014 và Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp số 156/STP-VBPQ ngày 20/01/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 02/3/2011 của UBND Thành phố Hà Nội về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2011 - 2015 như sau:

1. Điểm a khoản 2 Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 2. Mục tiêu, nguyên tắc phân cấp quản lý kinh tế - xã hội

2. Nguyên tắc phân cấp:

a. UBND Thành phố phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội cho UBND cấp huyện (quận, huyện, thị xã), UBND cấp xã (xã, phường, thị trấn) trong điều kiện pháp luật cho phép; Tuân thủ các quy định của pháp luật, hướng dẫn của Trung ương, phù hợp với đặc thù của Hà Nội; Những nội dung phân cấp quản lý kinh tế - xã hội đã quy định chi tiết, cụ thể tên chủ thể quản lý trong các Luật, văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước (Nghị định, Thông tư, Quyết định) thì các ngành, các cấp mặc nhiên tổ chức thực hiện; UBND Thành phố không quy định phân cấp lại”.

2. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 3. Quản lý thủy lợi

1. Thành phố quản lý:

a. Hệ thống thủy lợi liên tỉnh, liên huyện, liên xã và trong một xã (gắn với hệ thống thủy lợi liên xã trở lên): Công trình đầu mối (trạm bơm, cống, đập, ...); hệ thống kênh mương và công trình gắn với hệ thống kênh mương (bờ kênh, bờ sông, lòng sông, lòng kênh, cống, đập, xi phông, cầu giao thông, cầu máng,...);

b. Hệ thống thủy lợi mà công trình đầu mối là hồ chứa, đập dâng: Hồ chứa nước có dung tích từ 500.000m³ trở lên, hoặc có chiều cao đập từ 12 m trở lên; đập dâng có chiều cao đập từ 10 m trở lên.

c. Hệ thống thủy lợi độc lập (không gắn với hệ thống liên xã trở lên) hiện nay các công ty thủy lợi trực thuộc Thành phố đang quản lý.

2. UBND các quận, huyện, thị xã quản lý:

a. Hệ thống thủy lợi độc lập (ngoài hệ thống thủy lợi thuộc Thành phố quản lý quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 1) hiện đang do cấp huyện, cấp xã quản lý.

b. Hệ thống thủy lợi mà công trình đầu mối là: hồ chứa nước có dung tích nhỏ hơn 500.000m³, hoặc có chiều cao đập dưới 12 m; đập dâng có chiều cao đập dưới 10 m.

3. Sở Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm lập danh mục các công trình thủy lợi thuộc Thành phố quản lý (quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều này), danh mục các công trình thủy lợi phân cấp cho UBND các quận, huyện, thị xã quản lý (quy định tại điểm 2 khoản 2 Điều này) và cơ chế phối hợp trong quản lý nhà nước giữa ngành và UBND cấp xã, cấp huyện trong quá trình từ: quy hoạch, đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, bảo vệ... hệ thống thủy lợi trình UBND Thành phố phê duyệt”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và bổ sung khoản 4 Điều 4 như sau:

“Điều 4. Quản lý đê điều

1. Thành phố quản lý về quy hoạch, kỹ thuật toàn bộ hệ thống đê điều của Thành phố. Trực tiếp quản lý đầu tư, duy tu, sửa chữa các tuyến đê phạm vi bảo vệ rộng từ 2 xã trở lên, các tuyến đê từ cấp IV trở lên; các tuyến đê bao, đê bồi và đê mới xây dựng của các tuyến sông Hồng, sông Đà, sông Đuống.

2. UBND các quận, huyện, thị xã tổ chức quản lý toàn diện các tuyến đê dưới cấp IV; các tuyến đê chưa phân cấp, các tuyến đê phạm vi bảo vệ hẹp, quy mô nhỏ trên địa bàn (Trừ các tuyến đê thuộc Thành phố quản lý).

4. Sở Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm:

a. Lập danh mục các tuyến đê thuộc Thành phố quản lý và danh mục các tuyến đê phân cấp cho UBND các quận, huyện, thị xã quản lý, trình UBND Thành phố phê duyệt.

b. Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính, UBND các quận, huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan xây dựng quy định về cơ cấu tổ chức, nguồn kinh phí và chế độ thù lao đối với lực lượng quản lý đê nhân dân (theo Quy định tại khoản 3, Điều 37 Luật Đê điều năm 2006) để quản lý đê theo phân cấp tại mục 2, khoản 3 Điều này, cơ chế phối hợp giữa ngành và UBND các quận, huyện, thị xã, các xã, phường, thị trấn trong quá trình từ: quy hoạch, đầu tư xây dựng, khai thác, bảo vệ, phòng chống lụt bão..., trình UBND Thành phố phê duyệt”.

4. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 5. Quản lý rừng

1. Thành phố quản lý, đầu tư: Rừng đặc dụng và rừng phòng hộ;

2. UBND các huyện, thị xã Sơn Tây quản lý, đầu tư: Rừng sản xuất.

3. Cơ chế quản lý rừng:

a. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có trách nhiệm xây dựng, trình UBND Thành phố ban hành cơ chế phối hợp và trách nhiệm quản lý rừng theo phân cấp của các ngành, các cấp trên địa bàn Hà Nội.

b. UBND các huyện, thị xã Sơn Tây, UBND các xã (đối với các địa phương có rừng) có trách nhiệm quản lý rừng trên địa bàn theo các quy định của Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03/12/2004 và Điều 5, Điều 6 Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng”.

5. Khoản 1, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 6. Quản lý đường bộ

1. Thành phố:

a. Quản lý, bảo trì hệ thống: đường Quốc lộ, đường cao tốc (do Bộ Giao thông vận tải bàn giao về Thành phố quản lý); đường tỉnh; đường đô thị từ cấp đường khu vực trở lên (bao gồm cả các công trình đường bộ trên tuyến gồm: cầu đường bộ, hầm đường bộ, cầu đi bộ, bến phà đường bộ (nếu có) và các công trình đường bộ khác.

b. Thống nhất quản lý cả đường và hệ đường của một số tuyến giao thông quan trọng, các tuyến vành đai, các trục hướng tâm để phục vụ công tác tổ chức giao thông và chống ùn tắc giao thông.

c. Thống nhất quản lý công tác tổ chức giao thông, điều khiển giao thông trên các hệ thống đường bộ thuộc địa bàn Thành phố; trạm kiểm tra trọng tải xe.

d. Cấp phép sử dụng tạm lòng đường, cấp phép đào lòng đường để thi công các công trình trên các tuyến đường Thành phố quản lý và cấp phép sử dụng tạm hệ đường; cấp phép đào hệ đường để thi công các công trình trên các tuyến đường giao thông quan trọng theo danh mục Thành phố quyết định.

2. UBND các quận, UBND thị xã Sơn Tây:

a. UBND các quận quản lý, bảo trì các đường ngõ, ngách và đường đô thị cấp nội bộ trên địa bàn (theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hạ tầng kỹ thuật đô thị QCVN 07:2010/BXD); UBND thị xã Sơn Tây quản lý, bảo trì toàn bộ các tuyến đường trên địa bàn thị xã (trừ các tuyến quốc lộ, các tuyến đường tỉnh, đường phân khu vực, đường đô thị do Trung ương và Thành phố quản lý).

3. UBND các huyện:

b. Quản lý, bảo trì các đường đô thị còn lại (ngoài hệ thống đường đô thị do Thành phố quản lý) trên địa bàn và các công trình đường bộ trên tuyến. Quản lý, bảo trì hệ đường trên địa bàn (trừ hệ phố các tuyến đường do Thành phố quản lý đồng bộ cả hệ và đường)".

6. Khoản 1 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 7. Quản lý bến xe ô tô, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ

1. Thành phố thống nhất quản lý: toàn bộ trạm dừng nghỉ trên tuyến đường thuộc hệ thống đường địa phương; quản lý toàn bộ bến xe hàng hóa, bến xe khách trên địa bàn Thành phố; quản lý các bãi đỗ xe công cộng tập trung theo danh mục Thành phố phê duyệt (Sở Giao thông Vận tải có trách nhiệm lập danh mục các bến xe, bãi đỗ xe, trình UBND Thành phố phê duyệt)".

7. Bổ sung điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 8 được bổ sung như sau:

“Điều 8. Quản lý đường thủy nội địa, cảng, bến thủy nội địa

1. Thành phố:

c. Quản lý, bảo trì hệ thống các tuyến đường thủy nội địa địa phương (luồng chạy tàu thuyền, cảng, bến thủy nội địa; âu tàu, kè, đập; báo hiệu, tín hiệu và các công trình phụ trợ khác); quản lý đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương thuộc phạm vi hành chính Thành phố.

2. UBND các quận, huyện, thị xã: quản lý hoạt động đối với bến khách ngang các sông còn lại, bến dân sinh thuộc địa giới hành chính của quận, huyện, thị xã".

8. Khoản 1 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 10. Quản lý công viên, vườn hoa, cây xanh, hồ nước

1. Thành phố quản lý :

a. Vườn hoa, cây xanh, dải phân cách trên hệ thống đường quốc lộ, đường cao tốc, đường tỉnh lộ, đường đô thị do Thành phố quản lý (quy định tại điểm 1, khoản 5 Điều 1 Quyết định này).

b. Công viên lớn và hồ nước lớn trong công viên (Thủ Lệ, Thống Nhất, Bách Thảo, Yên Sở, Hoà Bình, Tuổi trẻ) và một số công viên cấp Thành phố theo quy hoạch được xây dựng mới”.

9. Khoản 1, khoản 2 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 11. Quản lý chiếu sáng công cộng

1. Thành phố quản lý, đầu tư và duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng dọc các tuyến đường, trong các vườn hoa, công viên do Thành phố quản lý; quản lý việc cấp điện cho hệ thống chiếu sáng công cộng trên địa bàn các quận nội thành (trừ chiếu sáng ngõ, ngách, khu vực dân cư đã có tủ điều khiển chiếu sáng độc lập).

2. UBND các quận quản lý, đầu tư và duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng dọc các tuyến đường, trong các vườn hoa, công viên do quận quản lý, chiếu sáng công cộng tại các ngõ, ngách trong khu dân cư trên địa bàn quận; quản lý việc cấp điện cho hệ thống chiếu sáng trong các vườn hoa, công viên do quận quản lý, chiếu sáng công cộng tại các ngõ, ngách trong khu dân cư trên địa bàn quận (đã có tủ điều khiển chiếu sáng độc lập)”.

10. Điểm b khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 12. Quản lý vệ sinh môi trường

1. Thành phố quản lý công tác vệ sinh môi trường:

b. Duy trì phun rửa, quét hút, thu gom rác trên các tuyến đường do Thành phố quản lý: Tuyến đường trục chính, đường quốc lộ, tỉnh lộ, đường cửa ô vào Thành phố, đường vào các khu xử lý rác thải, bãi chôn lấp rác thải, bãi phế thải xây dựng do Thành phố quản lý.

2. UBND các quận (trừ 4 quận: Ba Đình, Đống Đa, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng), huyện, thị xã Sơn Tây quản lý:

a. Quản lý thu gom, vận chuyển rác thải, duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn và một số tuyến đường theo danh mục Thành phố phê duyệt”.

11. Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 13. Quản lý cấp nước sạch

1. Thành phố quản lý cấp nước sạch tập trung tại các quận, thị xã Sơn Tây, tại các khu vực có sử dụng nguồn nước tập trung của Thành phố và cấp nước sạch nông thôn tập trung với các công trình có phạm vi phục vụ từ 2 xã trở lên.

2. UBND các huyện quản lý cấp nước sạch thị trấn đối với các mạng cấp nước độc lập trong phạm vi 01 thị trấn và cấp nước sạch nông thôn tập trung có phạm vi phục vụ trong 1 xã”.

12. Khoản 1, khoản 2 Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 14. Quản lý thoát nước

1. Thành phố quản lý hệ thống thoát nước, bao gồm:

a. Hệ thống thoát nước đô thị trên địa bàn các quận (trừ hệ thống thoát nước trong các ngõ, ngách, khu dân cư); các tuyến thoát nước trên đường phố có đặt tên; các trục thoát nước chính của Thành phố đi qua địa bàn các quận; các tuyến thoát nước cho các đường phố đi qua ngõ ngách; các tuyến thoát nước chính cho khu tập thể, khu đô thị mới.

b. Hệ thống thoát nước trên địa bàn các huyện, gồm: Hệ thống thoát nước tổng thể (hệ thống thoát nước chính, xương sống) trên các khu vực các huyện dự kiến phát triển đô thị theo quy hoạch; hệ thống thoát nước trên các tuyến đường tỉnh lộ, đường quốc lộ thuộc Thành phố quản lý.

c. Sở Xây dựng có trách nhiệm lập danh mục hệ thống thoát nước thuộc Thành phố quản lý (quy định tại mục a và b điểm 1 khoản 12 Điều 1) và cơ chế phối hợp giữa ngành và cấp trong quản lý hệ thống thoát nước, trình UBND Thành phố phê duyệt.

2. UBND các quận quản lý thoát nước ngõ, ngách, trong khu dân cư và các tuyến cống rãnh thoát nước còn lại trên địa bàn (trừ các công trình thoát nước Thành phố quản lý)”.

13. Bổ sung điểm d, điểm e, điểm g khoản 1, khoản 2 và sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1, khoản 2, khoản 3, bổ sung khoản 4 Điều 15 như sau:

“Điều 15. Quản lý văn hoá - thể thao - du lịch - thông tin truyền thông

1. Thành phố quản lý và thực hiện các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ đối với các di tích trên địa bàn Thành phố:

a. Nghiên cứu, kiểm kê xếp hạng, lập hồ sơ tư liệu, hồ sơ khoa học về di tích; lập hồ sơ khoa học về di vật theo đề nghị của địa phương; quản lý và tổ chức thực hiện việc nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê phân loại di sản văn hóa phi vật thể; quản lý hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể; Thành phố quản lý toàn diện 10 di tích tiêu biểu gồm: Khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long, Khu di tích Cổ Loa, Di tích tưởng niệm Bác Hồ ở Vạn Phúc – Hà Đông, Di tích Nhà tù Hỏa Lò, Di tích 48 Hàng Ngang, Di tích 5D Hàm Long, Di tích Đền Bà Kiệu, Di tích 90 Thợ Nhuộm, hồ Hoàn Kiếm - Di tích Đền Ngọc Sơn - Tượng đài Vua Lê, Khu di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám.

d. Quản lý các cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn, làng du lịch.

e. Quản lý các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành quốc tế; chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp kinh doanh lữ hành quốc tế, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Hà Nội.

g. Quản lý hạ tầng công nghệ thông tin dùng chung và các ứng dụng công nghệ thông tin dùng chung cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn; quản lý công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị và cải tạo, sắp xếp lại đường dây, cáp đi nổi trên địa bàn Thành phố; quản lý báo chí, xuất bản và các đài phát thanh truyền hình thuộc Thành phố.

2. UBND các quận, huyện, thị xã quản lý và thực hiện các nội dung sau:

a. Quản lý, tu bổ các di tích đã được xếp hạng còn lại trên địa bàn (ngoài các di tích tiêu biểu do cấp Trung ương và Thành phố quản lý). Quản lý việc sử dụng và quản lý các hoạt động tuyên truyền, phát huy giá trị các di tích trên địa bàn.

d. Quản lý các cơ sở lưu trú du lịch: căn hộ du lịch, biệt thự du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà có phòng cho khách du lịch thuê, bãi cắm trại du lịch và cơ sở lưu trú du lịch khác.

e. Quản lý các doanh nghiệp kinh doanh lẻ hành nội địa; các tổ chức, cá nhân kinh doanh đại lý lẻ hành; chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp kinh doanh lẻ hành nội địa.

g. Quản lý hạ tầng công nghệ thông tin và các ứng dụng phục vụ các hoạt động quản lý của cấp huyện, xã; cấp phép xây dựng các công trình trạm thu, phát sóng thông tin di động (trạm BTS) trên địa bàn; quản lý các đài phát thanh/truyền thanh huyện, xã, phường, thị trấn.

3. UBND các xã, phường, thị trấn quản lý và thực hiện các nội dung sau:

a. Quản lý toàn diện các di tích chưa được xếp hạng trên địa bàn; Quản lý bảo vệ an ninh trật tự, an toàn di vật, di tích trên địa bàn; Phối hợp trong công tác bảo vệ, vệ sinh môi trường, nhân sự và tổ chức lễ hội đối với các di tích do cấp Thành phố, cấp huyện trực tiếp quản lý.

4. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với UBND các quận, huyện, thị xã, các xã, phường, thị trấn lập và trình UBND Thành phố phê duyệt danh mục các di tích phân cấp cho UBND các quận, huyện, thị xã quản lý và UBND các xã, phường, thị trấn quản lý theo quy định này và cơ chế phối hợp giữa ngành và cấp trong quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa”.

14. Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 17. Quản lý y tế

1. Thành phố quản lý y tế dự phòng; an toàn vệ sinh thực phẩm; các bệnh viện (bao gồm các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa tuyến Thành phố, các bệnh viện huyện); các Trung tâm Y tế quận, huyện, thị xã (bao gồm cả các phòng khám đa khoa khu vực, nhà hộ sinh, trạm y tế xã, phường, thị trấn); cấp phép hoạt động cho các cơ sở y tế tư nhân, dược tư nhân.

2. UBND các quận, huyện, thị xã quản lý: Trung tâm dân số kế hoạch hoá gia đình quận, huyện, thị xã; cấp giấy chứng nhận cơ sở vệ sinh an toàn thực phẩm theo phân cấp của Bộ Y tế; phối hợp quản lý y tế, dược tư nhân trên địa bàn; quản lý Ban dân quân y và các chương trình y tế theo chỉ đạo của Thành phố”.

15. Bãi bỏ: Điều 18, điểm c khoản 1 Điều 19.

Điều 2. Xử lý chuyển tiếp và bàn giao nhiệm vụ quản lý:

1. Đối với các công trình theo phân cấp tại quyết định này thuộc cấp huyện quản lý, thì việc bàn giao và xử lý chuyển tiếp như sau:

a. Đối với các công trình hiện có và các công trình thành phố đang quản lý (do các đơn vị, các sở quản lý chuyên ngành đang quản lý), thuộc lĩnh vực phân cấp cho cấp huyện quản lý theo phân cấp tại Quyết định này, hoặc công trình đang chuẩn bị đầu tư (chưa có quyết định phê duyệt dự án đầu tư, hoặc đã hoàn thành chuẩn bị đầu tư (có quyết định phê duyệt dự án đầu tư) *nhưng* chưa được bố trí vốn giai đoạn thực hiện dự án): thì các đơn vị, các Sở quản lý chuyên ngành (đang quản lý, hoặc đang được giao làm chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức bàn giao ngay các công trình này cho UBND các quận, huyện, thị xã quản lý.

b. Đối với các công trình đang đầu tư xây dựng, hoặc cải tạo nâng cấp do các đơn vị, sở ngành làm chủ đầu tư (công trình đã có quyết định đầu tư, đã được bố trí kế hoạch vốn thực hiện dự án và đang đầu tư) thì các đơn vị, các sở ngành tiếp tục thực hiện đến khi hoàn thành, quyết toán công trình và bàn giao cho UBND các quận, huyện, thị xã quản lý theo phân cấp tại quyết định này.

2. Đối với các công trình theo phân cấp tại quyết định này thuộc thành phố quản lý, cũng thực hiện việc bàn giao từ UBND các quận huyện thị xã về Thành phố (cho các đơn vị của Thành phố, các sở quản lý chuyên ngành) như quy định tại mục a, b khoản 1 Điều này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ được giao tại các khoản 2, 3, 4 Điều 1, trình UBND Thành phố phê duyệt.

2. Sở Giao thông Vận tải có trách nhiệm lập danh mục công trình thuộc Thành phố quản lý trong lĩnh vực: đường giao thông, bến xe ô tô, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ (quy định tại khoản 5, 6 Điều 1), trình UBND Thành phố phê duyệt.

3. Sở Xây dựng có trách nhiệm:

a. Lập danh mục các tuyến thoát nước thuộc Thành phố quản lý (quy định tại điểm 1 khoản 12 Điều 1) và cơ chế phối hợp giữa ngành và cấp trong quản lý hệ thống thoát nước, trình UBND Thành phố phê duyệt.

b. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các quận, huyện, thị xã lập danh mục các tuyến đường (quy định tại khoản 10 Điều 1) thuộc Thành phố quản lý vệ sinh môi trường và danh mục các tuyến đường phân cấp cho UBND các quận, huyện, thị xã quản lý công tác vệ sinh môi trường, trình UBND Thành phố phê duyệt.

4. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với UBND các quận, huyện, thị xã, UBND các xã, phường, thị trấn lập danh mục các di tích phân cấp (quy định tại khoản 13 Điều 1) cho UBND các quận, huyện, thị xã và UBND các

xã, phường, thị trấn quản lý, cơ chế phối hợp giữa ngành và cấp trong quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa, trình UBND Thành phố phê duyệt.

5. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, trình UBND Thành phố ban hành quy định sửa đổi bổ sung quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách của Thành phố đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ phân cấp quản lý kinh tế - xã hội tại Quyết định này và các quy định phân cấp quản lý hiện hành của UBND Thành phố.

6. Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, trình UBND Thành phố sửa đổi bổ sung quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố đảm bảo phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội tại Quyết định này và các quy định phân cấp quản lý hiện hành của UBND Thành phố.

7. Các Sở: Tài chính, Nội vụ và các Sở quản lý chuyên ngành (Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công Thương, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục Đào tạo, Thông tin và Truyền thông) có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với UBND các quận, huyện thị xã và các đơn vị có liên quan nghiên cứu, trình UBND Thành phố ban hành quy định về phân cấp quản lý ngân sách; phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; phương án quản lý, nguồn kinh phí, cơ chế quản lý vận hành, duy tu, duy trì các công trình, nhiệm vụ quản lý theo phân cấp và quy định cơ chế phối hợp trong quản lý nhà nước giữa ngành và cấp của từng ngành, lĩnh vực, đảm bảo đạt hiệu quả cao sau khi phân cấp quản lý.

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố kết quả việc bàn giao nhiệm vụ quản lý theo phân cấp quy định tại Điều 2, việc lập danh mục các công trình quản lý theo phân cấp và quy định về cơ chế phối hợp trong quản lý của từng ngành, lĩnh vực quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Các nội dung khác không điều chỉnh tại quyết định này, vẫn thực hiện theo Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 02/3/2011 của UBND Thành phố.

2. Các quy định về phân cấp quản lý kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội do UBND Thành phố ban hành trái với nội dung quy định tại Quyết định này đều bãi bỏ.

3. Các nội dung phân cấp quản lý trong các lĩnh vực khác, không quy định tại quyết định này, thực hiện theo quy định của luật pháp và các quy định của UBND Thành phố đã ban hành.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định này, nếu cơ quan nhà nước cấp trên ban hành văn bản có quy định khác nội dung quy định tại quyết định này thì thực hiện theo văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ban hành. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- VP Chính phủ;
- Các Bộ: NN&PTNT, GTVT, XD, VH-TT-DL, GDĐT, LĐ-TB-XH, TN&MT; Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Như Điều 5;
- VPUBNDTP: CVP, các PCVP, các Phòng CV;
- Website Chính phủ;
- Trung tâm Tin học Công báo TP;
- Cổng Giao tiếp điện tử Hà Nội;
- Lưu: VT, TH_q.

(để b/cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



3320 130